

tháng 01 năm 2000, những quy định về chế độ tài chính đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp và Hội đồng Tư vấn thuế các cấp trước đây trái với các quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Giao cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế hướng dẫn chi tiết việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động thu thuế sử dụng đất nông nghiệp của ngành thuế, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chế độ hiện hành và những quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế và Vụ Tài vụ quản trị) để nghiên cứu xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

**THÔNG TƯ số 119/1999/TT-BTC ngày 05/10/1999 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.**

*Để tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng nhu cầu công tác, sinh hoạt của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia;*

*Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;*

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện*

*ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;*

*Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng như sau:*

## I. ĐỐI TƯỢNG MIỄN TRỪ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc đóng tại Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Cơ quan đại diện) và người đứng đầu các cơ quan đại diện này được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng đối với các hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu hoặc mua tại thị trường Việt Nam, bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê nhà làm trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Điện, nước sinh hoạt dùng cho trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Điện thoại, fax và dịch vụ lắp đặt (kể cả điện thoại di động).

- Xăng hoặc dầu diesel cho xe ô tô của Cơ quan đại diện mang biển số ngoại giao (NG), không quá 400 lít/1 tháng/1 xe.

- Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho việc xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhà là tài sản của nước cử được dùng làm trụ sở Cơ quan đại diện hoặc nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị cho trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở cho người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Hàng nhập khẩu hoặc mua trong nước theo quy định tại Thông tư số 04/TTLB ngày 12/2/1996.



- Một số hàng hóa thiết yếu khác mua tại các cửa hàng được phép bán miễn thuế.

**2.** Các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, viên chức của tổ chức quốc tế và nhân viên hành chính kỹ thuật của các Cơ quan đại diện được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng đối với các hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu hoặc mua tại thị trường Việt Nam, bao gồm:

- Các mặt hàng nhập khẩu hoặc mua trong nước theo định lượng quy định tại Thông tư số 04/TT-LB ngày 12/2/1996 của liên Bộ Thương mại - Ngoại giao - Tài chính - Tổng cục Hải quan.

- Xăng hoặc dầu diesel dùng cho xe ô tô mang biển số ngoại giao (NG), không quá 300 lít/1 tháng/1 xe.

- Một số hàng hóa thiết yếu khác mua tại các cửa hàng được phép bán miễn thuế.

**3.** Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ ngoài hệ thống Liên Hợp quốc và thành viên cơ quan, cũng như thành viên gia đình cùng chung sống với họ thành một hộ được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với tổ chức quốc tế đó.

Cơ quan đại diện của tổ chức phi Chính phủ và thành viên cơ quan, cũng như thành viên gia đình cùng chung sống với họ thành một hộ được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng theo thỏa thuận của Chính phủ Việt Nam đã ký kết với tổ chức đó.

**4.** Các trường hợp được phép chuyển nhượng tài sản là nhà ở, xe ô tô, xe gắn máy giữa các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và các thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự không thuộc đối tượng áp dụng thuế giá trị gia tăng.

## II. THỦ TỤC THỰC HIỆN MIỄN TRỪ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Hàng hóa và dịch vụ thuộc danh mục quy định

trên đây do tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cung cấp cho các đối tượng nêu tại điểm 1, 2, 3 nêu trên không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ quan đại diện, cá nhân nêu tại điểm 1, 2, 3 trên không phải trả thuế giá trị gia tăng khi mua sắm các hàng hóa và dịch vụ này.

Khi xuất hóa đơn cho các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ thuế giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn nhưng không ghi thuế mà ghi rõ trên hóa đơn: đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ thuế giá trị gia tăng.

Cơ quan, cá nhân nêu tại các điểm 1, 2, 3 nêu trên khi mua hàng hóa và dịch vụ phải cung cấp cho người bán hàng hóa hoặc dịch vụ Giấy chứng nhận đối tượng thuộc diện hưởng ưu đãi miễn trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa và dịch vụ đó do Vụ Lễ tân - Bộ Ngoại giao cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu và chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan thuộc đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao).

Giấy chứng nhận đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ thuế giá trị gia tăng bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ tại Việt Nam của đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ thuế giá trị gia tăng;

- Tên hàng hóa, dịch vụ được miễn trừ thuế giá trị gia tăng;

- Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì ghi là hàng nhập khẩu;

- Số, ngày của hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ ký giữa người cung cấp và đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ thuế giá trị gia tăng.

## III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Các quy định tại Thông tư này áp dụng với các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao trên nguyên tắc có đi có lại.



Thông tư này thay thế Thông tư số 43/1999/TT-BTC ngày 20/4/1999 và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định khác về thuế áp dụng cho các đối tượng hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mà không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật thuế hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư số 04/TTLB ngày 12/2/1996 của liên Bộ Ngoại giao - Thương mại - Tài chính - Tổng cục Hải quan./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

PHẠM VĂN TRỌNG

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**QUYẾT ĐỊNH số 356/1999/QĐ-NHNN14**  
ngày 06/10/1999 về việc ban hành  
Quy chế về nghiệp vụ chiết khấu,  
tái chiết khấu của Ngân hàng nhà  
nước đối với các ngân hàng.

## THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng nhà nước đối với các ngân hàng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng nhà nước; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng tham gia nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
*Phó Thống đốc*

NGUYỄN VĂN GIÀU

## QUY CHẾ về nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng

*(ban hành kèm theo Quyết định số 356/1999/QĐ-NHNN14 ngày 06 tháng 10 năm 1999 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước).*

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Quy chế này quy định việc thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng nhà nước đối với các ngân hàng nhằm thực hiện chính sách tiền tệ và tạo khả năng cân đối về nguồn vốn hoạt động cho các ngân hàng.

**Điều 2.** Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nghiệp vụ chiết khấu* là việc Ngân hàng nhà nước thực hiện mua các giấy tờ có giá ngắn hạn, còn thời hạn thanh toán, thuộc sở hữu của các ngân hàng. Các giấy tờ có giá ngắn hạn này đã được các ngân hàng mua hoặc đấu thầu trên thị trường sơ cấp.